

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 06-4-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Văn.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Vương-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PM, tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/HSST, ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

- Lê Văn T, sinh năm 1960; nơi sinh huyện PM, tỉnh BD; nơi cư trú thôn HK, xã MH, huyện PM, tỉnh BD; nghề nghiệp nguyên Cán bộ Ủy ban nhân dân xã MH; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H (Chết); con bà Nguyễn Thị Y (Chết); vợ là bà Võ Thị A, sinh năm 1960 và 05 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Đỗ D, sinh năm 1969; nơi sinh huyện PM, tỉnh BD; nơi cư trú thôn PT, xã MH, huyện PM, tỉnh BD; nghề nghiệp Công chức công tác tại Ủy ban nhân dân xã MH; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Q (Chết); con bà Phan Thị S, sinh năm 1936; vợ là bà Lê Thị N, sinh năm 1974 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Trương Quang H, sinh năm 1966; nơi sinh huyện PM, tỉnh BÐ; nơi cư trú thôn PT, xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ; nghề nghiệp nguyên Cán bộ Ủy ban nhân dân xã MH; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương P (Chết); con bà Phạm Thị T (Chết); vợ là bà Ngô Thị Kiều H, sinh năm 1971 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân tỉnh BÐ.

Địa chỉ: Số 01 đường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh BÐ.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân tỉnh BÐ:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1972-Công tác tại Phòng quản lý ngân sách thuộc Sở Tài chính tỉnh BÐ đại diện theo ủy quyền; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện PM, tỉnh BÐ.

Địa chỉ: Khu phố TQ, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BÐ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện PM, tỉnh BÐ: Ông Phạm Văn L-Phó chánh thanh tra huyện PM, tỉnh đại diện theo ủy quyền; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ.

Địa chỉ: Thôn AL 2, xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ: Ông Nguyễn Thanh T-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ đại diện theo pháp luật; có mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1968; có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố Trà Quang Bắc, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BÐ.

4. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1980; có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố TQ, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BÐ.

5. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn HP, xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ.

6. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn PT, xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Cao Văn D, sinh năm 1964; có mặt.

2. Ông Phạm Huy Th, sinh năm 1984; có mặt.

Đồng trú tại: Thôn PT, xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ.

3. Ông Hà Minh V, sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn AL 1, xã MH, huyện PM, tỉnh BD.

4. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1969; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn AL 2, xã MH, huyện PM, tỉnh BD.

5. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1984; có mặt.

Nơi cư trú: Khu phố ALĐ 2, thị trấn PM, huyện PM, tỉnh BD.

6. Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1966; có mặt.

7. Ông Võ Ngọc P, sinh năm 1963; có mặt.

Đồng trú tại: Thôn HP, xã MH, huyện PM, tỉnh BD.

8. Ông Lê Quang V, sinh năm 1966; vắng mặt.

Nơi cư trú: Số nhà 57 đường NQ, khu vực 9, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/12/2002 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”. Ngày 04/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Ngày 21/3/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 498/QĐ-TTg về việc bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (được thay thế bằng Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 02/12/2016 quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2020).

Ngày 13/4/2011 liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNN&PTNT-BKH&ĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 800/QĐ; Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg; Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020”.

Căn cứ các văn bản của Trung ương nêu trên, ngày 18/7/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh BD ban hành Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND về việc ban hành quy định cơ chế đặc thù đối với công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh BD; Quyết định số

38/2013/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 về việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy định cơ chế đầu tư đặc thù đối với công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh BD; Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh BD về việc ban hành chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh BD. Ngày 12/5/2015 Sở Xây dựng tỉnh BD ban hành Hướng dẫn số 08/HD-SXD về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (gọi tắt là Ban quản lý xã) do UBND xã quyết định thành lập, chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Ban quản lý xã là chủ đầu tư các dự án, công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo cơ chế đầu tư đặc thù. Các công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong đó có chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn là một trong những tiêu chí quan trọng trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nếu đảm bảo các điều kiện: Quy mô vốn đầu tư đến 03 tỷ đồng; thời gian thi công xây dựng công trình dưới 01 năm; kỹ thuật đơn giản được áp dụng thiết kế mẫu (thiết kế điển hình) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; công trình do cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng thì được áp dụng theo quy định cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng, khác với quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Các văn bản pháp luật trên quy định cụ thể về quy trình lập kế hoạch đầu tư công trình, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, quy định về hình thức hợp đồng thi công, hình thức, cách thức lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công xây dựng, quy định về giám sát hoạt động xây dựng, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.

Ngày 15/8/2014 UBND xã MH ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban quản lý, Tổ công tác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Theo đó, bị cáo Lê Văn T - Chủ tịch UBND xã MH làm Trưởng ban, Phó trưởng ban là bị cáo Trương Quang H - Phó Bí thư thường trực, ông Huỳnh Chí T - Phó Chủ tịch UBND xã; thành viên là bà Phạm Thị M - Phó Chủ tịch UBND xã, ông Đỗ C - Cán bộ khuyến nông - Giao thông thủy lợi; bị cáo Đỗ D - Cán bộ địa chính xây dựng, ông Nguyễn Văn G - Kế toán ngân sách xã; một số cán bộ công chức thuộc UBND xã và 07 Thôn trưởng của 07 thôn trên địa bàn xã.

Ngày 01/3/2016, bị cáo Lê Văn T ký ban hành Thông báo số 05/TB-UBND về kết luận Hội nghị của UBND xã MH về sơ kết làm giao thông nông thôn năm 2015 và vận động nhân dân các thôn đăng ký làm giao thông năm 2016. Trong đó ban hành chính sách hỗ trợ: UBND tỉnh hỗ trợ xi măng cho tất cả các loại đường A, B, C, D; UBND xã hỗ trợ 50% kinh phí thi công làm đường đối với loại đường C, D do thôn, xóm thực hiện có quy mô số hộ hưởng

lợi từ 10 hộ trở lên; từ 05 đến dưới 10 hộ thì hỗ trợ 20%; dưới 05 hộ thì dân tự túc kinh phí. Trong Thông báo kết luận này, UBND xã MH giao cho Ban phát triển các thôn vận động nhân dân đăng ký và đo chiều dài cụ thể từng tuyến đã đăng ký, nêu rõ loại đường C, D, báo cáo số liệu về cho UBND xã để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

Quy trình lập danh mục các tuyến đường đầu tư theo cơ chế đặc thù tại UBND xã được thực hiện như sau: Trưởng thôn lập danh sách các tuyến đường cần bê tông hóa trong thôn gửi cho bị cáo Đỗ D. Sau đó, bị cáo Đỗ D tổng hợp danh sách các tuyến đường do các thôn báo cáo trình UBND xã; UBND xã lập thành danh mục công trình cần đầu tư gửi UBND huyện (qua phòng Kinh tế và Hạ tầng) để tập hợp gửi UBND tỉnh. Sau khi UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kế hoạch triển khai xây dựng, thống nhất hỗ trợ xi măng, Chủ tịch UBND xã MH lập tờ trình kèm theo bảng kê danh mục công trình đầu tư theo cơ chế đặc thù gửi đến UBND huyện (qua phòng Kinh tế và Hạ tầng) để xin chủ trương. Phòng Kinh tế và Hạ tầng tham mưu cho UBND huyện ban hành văn bản cho chủ trương đầu tư các tuyến đường bê tông theo cơ chế đặc thù. Sau đó, Chủ tịch UBND xã MH viết giấy giới thiệu cho các Trưởng thôn đến nhà máy xi măng Diêu Trì để liên hệ nhận xi măng. Khi xi măng chuyển đến thôn thì Ban phát triển thôn giao cho các hộ dân đã đăng ký làm đường bê tông hoặc bên nhận thầu thi công đến trực tiếp nhận xi măng.

Theo quyết số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh BĐ về việc ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn để hỗ trợ xi măng các xã trên địa bàn tỉnh thực hiện chương trình bê tông hóa từ nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh BĐ giao Sở Tài chính ký hợp đồng nguyên tắc và các hợp đồng phụ với Công ty Cổ phần BiCem (nhà máy xi măng DT) về việc cung cấp xi măng để hỗ trợ cho Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh BĐ giai đoạn 2016 - 2020; giao UBND cấp xã chịu trách nhiệm về tính pháp lý của danh mục công trình, đảm bảo việc đầu tư xây dựng đúng mục đích và hiệu quả, không thất thoát, lãng phí; tổ chức, quản lý và thực hiện việc bê tông hóa giao thông nông thôn; vận động sự đóng góp của người dân tham gia xây dựng, bảo trì đường giao thông nông thôn tại địa phương. UBND cấp xã (thông qua Ban quản lý xây dựng nông thôn mới) tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng quy định về công tác đầu tư xây dựng, về việc huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông ở địa phương.

Tuy nhiên, Ban quản lý xã MH đã không thực hiện đúng các quy định về thực hiện đầu tư các công trình giao thông nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo cơ chế đặc thù như: Không tổ chức họp dân ở các thôn để thống nhất danh mục công trình cần đầu tư, mức đóng góp của từng hộ; không lập dự toán công trình, không tổ chức thẩm định dự toán xây dựng công trình; không thực hiện giám sát thi công, giám sát cộng đồng; không thực hiện thanh, quyết toán công trình đúng quy định. Do UBND xã MH đã không tổ chức thẩm

định nên có nhiều hộ dân lợi dụng Nhà nước hỗ trợ xi măng, đã đăng ký làm đường để nhận xi măng nhưng thực chất để làm đường đi, lối đi trong sân nhà và nhiều công trình khác không thuộc đối tượng được hỗ trợ xi măng nhưng vẫn được UBND xã lập danh sách đăng ký dẫn đến thất thoát tài sản Nhà nước.

Quá trình điều tra xác định các công trình giao thông nông thôn 2016 - 2017 có sai phạm, gây thất thoát xi măng được bố trí hỗ trợ cho chương trình bê tông hóa nông thôn từ nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý như sau:

- Công trình đường bê tông từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C thuộc thôn PT, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2016, tuyến đường này được Ban quản lý xã MH đăng ký là đường loại C (chiều dài 495 m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ 110kg/1m), đã nhận 54,45 tấn, tương ứng với số tiền 90.550.350 đồng (xi măng 81.402.750 đồng, tiền vận chuyển 9.147.600 đồng), ngân sách xã hỗ trợ 50% không tính xi măng hỗ trợ. Qua đo đạc, kiểm tra thực tế: Tuyến từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C, chiều dài là 275 m. Cụ thể từ Gò MĐ đến nhà ông Trương Quang H dài 141 m, từ nhà ông Trương Quang H đến nhà ông Nguyễn Đình C dài 134m nhưng Ban quản lý xã MH đăng ký danh mục công trình này với chiều dài 495m.

Ông Cao Văn D - nguyên Trưởng thôn PT (đồng thời là Trưởng Ban phát triển thôn) thực hiện đo đạc tuyến đường này, gộp với các công trình ngoài danh mục đăng ký như lối đi vào nhà một số hộ dân ở thôn PT, xã MH như hộ ông Trần Minh C, Trần Ngọc A, Trương Thị B, Trương Minh Qu, Trương Văn T, Trương Thành L, Đoàn Văn H, Trương Minh S,... . Ông Cao Văn D lập danh sách đăng ký của Ban phát triển thôn PT chuyển lên cho Ban quản lý xã MH. Bị cáo Đỗ D là người nhận danh sách từ thôn chuyển lên. Tuy biết việc đăng ký danh mục như trên là không đúng nhưng bị cáo Đỗ D vẫn soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký để được UBND huyện, tỉnh thống nhất chủ trương phê duyệt, hỗ trợ xi măng.

Đến tháng 5/2016, xi măng của các công trình giao thông nông thôn địa bàn thôn PT (trong đó có tuyến Gò MĐ - Nguyễn Đình C) được vận chuyển từ Công ty cổ phần Bicem về thôn PT để thi công. Ông Cao Văn D là người ký nhận xi măng. Tuy nhiên các hộ dân trên tuyến đường Gò MĐ - Nguyễn Đình C (đoạn 275m) không đóng góp tiền nên không tổ chức thi công tuyến đường này. Ông Cao Văn D xin ý kiến Ban Quản lý xã MH thì được bị cáo Lê Văn T thống nhất giao số lượng xi măng đã nhận cho các hộ dân trong thôn PT đã đăng ký trước đó với thôn để thi công. Qua kiểm tra thực tế thì một số hộ đổ bê tông xi măng từ trục đường chính (đường ngõ xóm) đến cổng nhà, còn lại đa phần thì đổ bê tông làm đường đi từ cổng nhà vào bên trong sân nhà, làm lối đi trong khuôn viên nhà. Đây là những công trình ngoài danh mục đăng ký, không được UBND huyện, tỉnh phê duyệt đầu tư.

Như vậy sau khi đăng ký, nhận xi măng vào năm 2016 thì tuyến đường này chưa được thi công, nhưng Ban Quản lý xã MH đã chuyển xi măng để thi

công các công trình ngoài danh mục đăng ký và phê duyệt, gây thất thoát cho Nhà nước 54,45 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 90.550.350 đồng. Bị cáo Đỗ D tham mưu lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký.

- Công trình đường bê tông từ Gò D đến giáp đường sắt thuộc thôn AL 1, xã MH:

Công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký vào năm 2016, thời gian này bị cáo Lê Văn T làm Chủ tịch UBND xã MH; bị cáo Đỗ D làm công chức địa chính xây dựng. Theo hồ sơ đăng ký công trình này được đăng ký là đường loại C (dài 540m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ 110kg/1m), đã nhận 59,40 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 97.297.200 đồng (xi măng 87.318.000 đồng, tiền vận chuyển 9.979.200 đồng). Công trình này được phê duyệt danh mục nhưng không có thi công vì các hộ dân hưởng lợi công trình này không đóng góp kinh phí. Do đó 59,40 tấn xi măng vẫn còn tại Nhà máy xi măng DT.

Đến tháng 11/2016, bị cáo Trương Quang H lúc này đang là Chủ tịch UBND xã MH có ý định đổ bê tông đoạn đường đi ngang qua nhà bị cáo H nên bị cáo H chỉ đạo bị cáo Đỗ D đo đạc lại tuyến đường Gò MĐ - Nguyễn Đình C để thi công. Bị cáo H ký giấy giới thiệu cho ông Hà Minh V ở thôn AL 1, xã MH là đơn vị nhận thầu thi công vào nhà máy xi măng DT nhận xi măng từ tuyến Gò D giáp đường sắt để thi công tuyến Gò MĐ - Nguyễn Đình C. Bị cáo H chỉ đạo ông Hà Minh V nhận xi măng và thi công đoạn từ Gò MĐ đến nhà bị cáo H với chiều dài 177m (đoạn này nằm trong danh mục đăng ký năm 2016) và thi công hai đoạn đường không trong danh mục đăng ký là từ ngã ba nhà bà Trương Thị P đến giáp đường bê tông cũ xóm 5 thôn PT và đoạn từ ngã ba Gò T đến Vườn C với tổng chiều dài của ba đoạn đường trên là 495m tương ứng với 54,45 tấn xi măng. Số xi măng còn lại 4,95 tấn được bị cáo H cho chủ trương chuyển sang thi công đường vào nhà dân ở thôn AL 1 nằm ngoài danh mục đăng ký (hộ ông Lưu Văn T, Võ Q, Võ Ngọc T) theo đề nghị của ông Trần Văn C - Trưởng Ban phát triển thôn AL 1. Đoạn đường còn lại từ ngoài nhà bị cáo Trương Quang H đến nhà ông Nguyễn Đình C dài 98m thì không có thi công.

Như vậy, bị cáo Trương Quang H đã chỉ đạo lấy xi măng 59,40 tấn (tương ứng với chiều dài 540m) từ công trình đường bê tông Gò D đến giáp đường sắt thôn AL 1, sang thi công các công trình ngoài danh mục đăng ký với tổng chiều dài 363m, tương ứng 39,93 tấn xi măng và thi công đoạn đường đi ngang qua nhà bị cáo Trương Quang H dài 177m tương ứng với 19,47 tấn xi măng (đã đăng ký danh mục vào năm 2016) gây thất thoát 59,40 tấn xi măng. Bị cáo Đỗ D biết rõ các công trình trên nằm ngoài danh mục đăng ký, không được phê duyệt nhưng vẫn đo đạc, cắm mốc để thi công là không đúng quy định.

- Công trình đường bê tông từ nhà bị cáo Trương Quang H đến nhà ông Nguyễn Đình Chi thuộc thôn PT, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2017, công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký là đường loại C (dài 398m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ

110kg/1m), đã nhận 43,78 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 71.744.400 đồng (xi măng 64.386.000 đồng, tiền vận chuyển 7.358.400 đồng).

Khoảng đầu năm 2017, bị cáo Đỗ D tham mưu cho bị cáo Trương Quang H tiếp tục đăng ký tuyến đường này. Vì sợ trùng tên tuyến đường đã đăng ký năm 2016 nên Ban quản lý xã MH thống nhất lấy tên gọi tuyến này là từ nhà Trương Quang H đến nhà Nguyễn Đình C, chiều dài 398m trong khi tuyến đường này chỉ còn 98m là chưa thi công.

Ông Phạm Huy T - Trưởng thôn PT đo đạc, lập danh sách đăng ký chiều dài 398m cho 08 hộ dân ở xóm 4, thôn PT để làm đường vào cổng ngõ và vào sân nhà của từng hộ. Sau đó, ông Thông chuyển danh sách lên cho bị cáo Đỗ D để gửi cho Ban Quản lý xã MH. Bị cáo D tham mưu cho bị cáo H về việc gộp các công trình từ 08 hộ dân trên để đăng ký thì được bị cáo H thống nhất thành một công trình, lấy tên là Trương Quang H đến Nguyễn Đình C dài 398m, rộng 2,5m. Ban Quản lý xã MH lập danh mục đăng ký, xin chủ trương UBND huyện, UBND tỉnh và được thống nhất.

Như vậy công trình này trùng với công trình đường bê tông từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C đã đăng ký vào năm 2016. Sau khi xi măng chuyển về, ông Phạm Huy T là người ký nhận xi măng, UBND xã MH, Ban thôn PT chuyển xi măng giao cho 05 hộ gia đình để làm đường bê tông đường vào cổng nhà (hộ Trương Đức D, Trương Quang L, Trương Thị D, Nguyễn Thị Th, Phạm Thế T) và 03 hộ làm bê tông trong sân nhà (Trần H, Trần M, Nguyễn Thị H). Đây là các công trình không nằm trong danh mục UBND tỉnh phê duyệt đầu tư, không có hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, đã gây thất thoát cho Nhà nước 43,78 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 71.744.400 đồng. Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Trương Quang H ký.

- Công trình đường bê tông từ nhà Phạm Thế T đến nhà Trương Quang L thuộc thôn PT, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2016 thì công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký là đường loại C (dài 548m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ 110kg/1m), đã nhận 60,28 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 100.278.900 đồng (xi măng 90.148.500 đồng, tiền vận chuyển 10.130.400 đồng).

Qua kiểm tra thực tế thì không có tuyến đường này. Vào tháng 3/2016, ông Cao Văn D đăng ký 548m cho nhiều hộ dân ở thôn PT để làm đường đến cổng ngõ từng nhà, có nhiều trường hợp vào sân nhà, làm lối đi trong khuôn viên chùa PTh. Ông Cao Văn D đi đo đạc, lập danh sách, lấy tên là tuyến Phạm Thế T - Trương Quang L, chuyển danh sách lên Ban Quản lý xã MH. Bị cáo Đỗ D tuy biết việc đăng ký danh mục như vậy là trái quy định nhưng vẫn soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký, xin chủ trương cấp trên phê duyệt hỗ trợ xi măng.

Sau khi xi măng chuyển về (tháng 5/2016), ông Cao Văn D là người ký nhận xi măng, Ban Quản lý xã MH thống nhất chuyển xi măng giao cho chùa PTh, các hộ dân ở thôn PT như hộ ông Trương Quang P, Trương Đức T, Trương Đức Q, Lê Đình P, Đình Công K,... để làm bê tông đường vào cổng nhà, có hộ

thì làm đường đi trong sân nhà, có trường hợp thì đổ bê tông từ cổng nhà cho đến chuồng trại như hộ Phạm Thế T ở xóm 4, thôn PT. Đây là các công trình không nằm trong danh mục UBND tỉnh phê duyệt đầu tư, không có hồ sơ thi công và hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, đã gây thất thoát cho Nhà nước 60,28 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 100.278.900 đồng. Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký.

- Công trình đường bê tông liên xã đến nhà ông Hà Văn K, xóm 19, thôn AL 2, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2016 thì công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký là đường loại C (dài 350m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ 110kg/1m), đã nhận 38,5 tấn xi măng, thành tiền 63.063.000 đồng (xi măng 56.595.000 đồng, tiền vận chuyển 6.468.000 đồng).

Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, UBND huyện đồng ý cho chủ trương đầu tư theo cơ chế đặc thù thì Ban Quản lý xã MH không tổ chức thi công công trình này, vì các hộ dân không đồng tình đóng góp kinh phí thi công. Ông Nguyễn Ngọc A - Trưởng ban phát triển thôn AL 2 báo cáo tình hình trên cho Ban Quản lý xã MH. Bị cáo Lê Văn T đã không báo cáo cho UBND huyện về tình hình quản lý, sử dụng xi măng của công trình này để điều chỉnh cắt giảm danh mục đầu tư theo quy định mà bị cáo T đã chỉ đạo cho bị cáo Đỗ D lấy xi măng từ công trình này chuyển sang thi công công trình sân bê tông Trường Trung học cơ sở MH.

Được sự chỉ đạo của bị cáo T nên bị cáo D tham mưu lập dự toán công trình sân bê tông Trường Trung học cơ sở MH, soạn thảo hợp đồng xây dựng với đơn vị thi công là ông Nguyễn Ngọc S ở AL Đông, thị trấn PM trình cho bị cáo T ký. Sau đó ông S đã ký nhận xi măng thi công xây dựng công trình sân bê tông Trường Trung học cơ sở MH với số lượng 33 tấn; số lượng xi măng còn lại 5,5 tấn được bị cáo T cho chủ trương thi công đường đi bên trong Nhà văn hóa thôn HP. Đây là các công trình xây dựng dân dụng, không nằm trong danh mục được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, gây thất thoát cho Nhà nước 38,5 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 63.063.000 đồng. Bị cáo Lê Văn T là người trực tiếp chỉ đạo cho bị cáo Đỗ D thực hiện dẫn đến thất thoát trên.

- Công trình đường bê tông từ nhà hợp xóm 4 đến nhà Nguyễn Thị N, thôn HP, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2016 thì công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký là đường loại D (dài 300m, rộng 2,5m, định mức xi măng hỗ trợ 90kg/1m), đã nhận 27 tấn xi măng, tương ứng số tiền 44.901.000 đồng (xi măng 40.365.000 đồng, tiền vận chuyển 4.536.000 đồng).

Công trình này được đăng ký năm 2016, theo cơ chế hỗ trợ 50% kinh phí của xã, nhân dân đóng góp 50%, Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn xi măng. Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, UBND huyện đồng ý cho chủ trương đầu tư theo cơ chế đặc thù thì Ban Quản lý xã MH không tổ

chức thi công công trình này, vì các hộ dân không đồng tình đóng góp kinh phí thi công. Do đó khi xi măng chuyển về, ông Nguyễn Hữu K - Phó Trưởng thôn HP báo cáo cho Ban Quản lý xã MH để xin chủ trương. Bị cáo Lê Văn T đã không chỉ đạo báo cáo cho cấp có thẩm quyền về tình hình quản lý, sử dụng xi măng của công trình này để điều chỉnh cắt giảm danh mục đầu tư mà cho chủ trương chuyển xi măng cho các hộ thi công đường vào nhà. Cụ thể, thi công từ đường bê tông xóm vào nhà ông Nguyễn T ở xóm 4, HP dài 180m; thi công từ đường bê tông xóm đi vào nhà bà Phan Thị Kim L ở xóm 16, thôn HP dài 75m; thi công từ cổng ngõ nhà ông Nguyễn CQ ở xóm 16, thôn HP vào bên trong sân nhà ông Q dài 25m; thi công từ đường bê tông xóm vào nhà bà Ngô Thị Thanh T ở xóm 6, thôn HP dài 20m. Đây là các công trình không nằm trong danh mục UBND tỉnh phê duyệt đầu tư, không có hồ sơ thi công và hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, đã gây thất thoát cho Nhà nước 27 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 44.901.000 đồng.

- Công trình đường bê tông từ nhà Nguyễn T đến nhà ông Huỳnh Công D thuộc thôn HP, xã MH:

Theo hồ sơ đăng ký năm 2016 thì công trình này được Ban Quản lý xã MH đăng ký là đường loại D (dài 150m, rộng 2m, định mức xi măng hỗ trợ 90kg/1m), đã nhận 13,5 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 22.450.500 đồng (xi măng 20.182.500 đồng, tiền vận chuyển 2.268.000 đồng).

Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, UBND huyện đồng ý cho chủ trương đầu tư theo cơ chế đặc thù thì Ban Quản lý xã MH không tổ chức thi công công trình này, vì các hộ dân không đồng tình đóng góp kinh phí thi công. Ban phát triển thôn HP báo cáo tình hình cho Ban Quản lý xã MH để xin chủ trương. Bị cáo Lê Văn T đã không chỉ đạo báo cáo cho cấp có thẩm quyền về tình hình quản lý, sử dụng xi măng của công trình này để điều chỉnh danh mục đầu tư mà cho chủ trương chuyển xi măng sang thi công công trình từ đường bê tông xóm 4 đến nhà Võ Đình H, thôn HP dài 150m. Đây là công trình không nằm trong danh mục UBND tỉnh phê duyệt đầu tư, không có hồ sơ thi công và hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, đã gây thất thoát cho Nhà nước 13,5 tấn xi măng, tương ứng số tiền 22.450.500 đồng.

- Công trình đường bê tông từ trụ sở thôn HP đến giáp đường bê tông xóm 17, thôn HP, xã MH.

Hồ sơ đăng ký năm 2016: Đường loại D, dài 656 m, đã nhận 59,04 tấn xi măng, tương ứng số tiền 98.117.000 đồng (xi măng 88.205.000 đồng, tiền vận chuyển 9.912.000 đồng).

Bị cáo Đỗ D là người soạn thảo, lập danh mục đăng ký, lập tờ trình cho bị cáo Lê Văn T ký. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, UBND huyện đồng ý cho chủ trương đầu tư theo cơ chế đặc thù nhưng Ban quản lý xã MH không tổ chức thi công công trình này vì một số hộ dân thuộc tuyến đường này không đồng ý đóng góp kinh phí theo chủ trương đầu tư ban đầu. Do đó khi xi măng chuyển về, ông Nguyễn Hữu K - Phó trưởng thôn HP xin ý kiến bị cáo

Lê Văn T; bị cáo T đồng ý cho chuyển xi măng cho 04 hộ dân ở thôn HP (hộ Võ Xuân T, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Thị C, Nguyễn Công L) thi công đường vào nhà với tổng chiều dài 144m, tương ứng với 12,96 tấn xi măng. Còn lại 512m, tương ứng với 46,08 tấn xi măng, bị cáo Lê Văn T cho chủ trương chuyển sang thôn HK để các hộ dân thi công làm đường vào nhà (hộ Võ Công D, Võ Đăng T, Võ Duy L, Nguyễn Văn C,...). Đây là các công trình không được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ xi măng, không có hồ sơ thi công và hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, đã gây thất thoát cho Nhà nước 59,04 tấn xi măng, tương ứng số tiền 98.117.000 đồng.

- Tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất của bị cáo Lê Văn T thuộc thôn HP:

Hồ sơ đăng ký năm 2017: Đường loại C, dài 200m, đã nhận 22 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 36.036.000 đồng (xi măng 32.340.000 đồng, tiền vận chuyển 3.696.000 đồng).

Thực tế đoạn đường từ đường bê tông xóm 17 đến đất của bị cáo Lê Văn T, dài 50m, đã được làm bê tông vào năm 2011. Tuy nhiên, bị cáo T vẫn đăng ký làm đường. Tháng 02 năm 2017, bị cáo Lê Văn T đề vợ là bà Nguyễn Thị X đứng tên đăng ký để nhận xi măng đổ vào rẫy của bị cáo T. Ông Trương Đức Y là con rể của bị cáo T là người trực tiếp nộp đơn cho bị cáo Đỗ D. Do không có xác nhận của Ban phát triển thôn nên bị cáo D bảo ông T đem về xác nhận. Sau khi được ông Võ Ngọc P - Trưởng Ban nhân dân thôn xác nhận, mặc dù biết rõ công trình này không đủ điều kiện để được hỗ trợ xi măng nhưng bị cáo D vẫn nhận đơn và đưa vào danh mục đăng ký, trình cho bị cáo Trương Quang H. Lúc đầu, bị cáo H thấy công trình này không đủ điều kiện để đăng ký nên không ký, sau đó vì cả nể bị cáo T là Phó bí thư thường trực Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã nên bị cáo H ký, chuyển danh mục về Phòng kinh tế và Hạ tầng. Sau khi đã được phê duyệt hỗ trợ xi măng, bị cáo T nhờ ông Hà Minh V thầu xây dựng công trình đến UBND xã nhận giấy giới thiệu để vào Nhà máy xi măng DT nhận 22 tấn xi măng về thi công đường đi trong rẫy của bị cáo T gây thất thoát 22 tấn xi măng, tương ứng số tiền 36.036.000 đồng.

- Tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất rẫy của ông Lê Quang V thuộc thôn HP:

Hồ sơ đăng ký năm 2017: Đường loại C, dài 250m, đã nhận 27,5 tấn xi măng, tương ứng với số tiền 45.045.000 đồng (xi măng 40.425.000 đồng, tiền vận chuyển 4.620.000 đồng).

Thực tế từ bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Quang V không có con đường đi riêng. Ông Lê Quang V sử dụng diện tích đất trồng cây ăn quả tiếp giáp với đất của bị cáo Lê Văn T. Đầu năm 2017, ông V có ý định làm đường đi riêng vào đất của mình nên có thỏa thuận mua khu đất của ông Mai Văn M nhưng ông M không đồng ý. Bị cáo Lê Văn T thỏa thuận với ông V là để gia đình bị cáo T mượn tên ông V đăng ký làm đường để được hỗ trợ xi măng, bị cáo T lấy xi măng làm đường đi trong đất của bị cáo T, khi nào ông V thỏa thuận được với

ông M về việc mua đất thì bị cáo T mua xi măng trả lại cho ông V. Sau đó, bị cáo T bảo con rể là ông Trương Đức Y soạn đơn, bị cáo T ký thay tên cho ông V rồi nộp cho bị cáo Đỗ D. Mặc dù biết rõ công trình này không đủ điều kiện để được hỗ trợ xi măng nhưng bị cáo D vẫn nhận đơn và đưa vào danh mục đăng ký, trình cho bị cáo Trương Quang H. Lúc đầu, bị cáo H thấy công trình này không đủ điều kiện để đăng ký nên không ký, sau đó vì cả nể nên bị cáo H ký, chuyển danh mục về Phòng Kinh tế và Hạ tầng. Sau khi đã được phê duyệt hỗ trợ xi măng, bị cáo T nhờ ông Hà Minh V đến UBND xã nhận giấy giới thiệu để vào Nhà máy xi măng DT nhận 27,5 tấn xi măng về thi công đường đi trong đất của bị cáo T gây thất thoát 27,5 tấn xi măng, tương ứng số tiền 45.045.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 02/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện PM kết luận:

Năm 2016:

- 54,45 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến đường từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C, thôn PT, xã MH, có giá 90.550.350 đồng.

- 39,93 tấn xi măng của tuyến từ Gò D đến giáp đường sắt, thôn AL 1, xã MH, có giá 65.405.340 đồng .

- 60,28 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ nhà Phạm Thế T đến nhà Trương Quang L, thôn PT, xã MH, có giá 100.278.900 đồng.

- 38,5 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ đầu đường bê tông liên xã đến nhà ông Hà Văn K, xóm 19, thôn AL 2, xã MH, có giá 63.063.000 đồng .

- 27 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ nhà hợp xóm 4 đến nhà Nguyễn Thị N, thôn HP, xã MH, có giá 44.901.000 đồng.

- 13,5 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ nhà Nguyễn T đến nhà ông Huỳnh Công D, thôn HP, xã MH, có giá 22.450.500 đồng.

- 59,04 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ trụ sở thôn HP đến giáp đường bê tông xóm 17, thôn HP, xã MH, có giá 98.117.000 đồng.

Năm 2017:

- 43,78 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến Trương Quang H – Nguyễn Đình Chi, thôn PT, xã MH, có giá 71.744.400 đồng .

- 27,50 tấn xi măng PCB40 Bicem của tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Quang V, thôn HP, xã MH, có giá 45.045.000 đồng.

- 22 tấn xi măng PCB40 Bicem của Tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Văn T, thôn HP, xã MH, có giá 36.036.000 đồng.

Tổng giá trị xi măng (bao gồm tiền vận chuyển) của 10 tuyến đường của năm 2016 và năm 2017 là 637.591.490 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKSPM ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BD truy tố bị cáo Lê Văn T, bị cáo Đỗ D về tội “Vi

phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trương Quang H về tội *“Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”* theo khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, tỉnh BD đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T, bị cáo Đỗ D phạm tội *“Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”* theo quy định tại khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trương Quang H phạm tội *“Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”* quy định tại khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 219, điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn T với mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 2 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đỗ D với mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trương Quang H với mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ nộp trả vào ngân sách nhà nước số tiền 292.414.625 đồng; buộc bị cáo Đỗ D có nghĩa vụ nộp trả vào ngân sách nhà nước số tiền 236.061.495 đồng; buộc bị cáo Trương Quang H có nghĩa vụ nộp trả vào ngân sách nhà nước số tiền 109.115.370 đồng.

Bị cáo Lê Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật nên bị cáo ăn năn, hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo ý thức khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội không vì vụ lợi. Bị cáo đã lớn tuổi nên thường xuyên đau bệnh. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đỗ D nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật nên bị cáo ăn năn, hối cải; bị cáo nộp khắc phục hậu quả. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trương Quang H nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật; bị cáo khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện

PM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Lê Văn T, Đỗ D, Trương Quang H đều không tranh luận gì với Kiểm sát viên và cũng không đưa ra chứng cứ nào để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình mà các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và những chứng cứ đã được thu thập nên lời khai của các bị cáo có căn cứ.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ điều kiện để nhận thức hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước dẫn đến hậu quả gây thất thoát, lãng phí tài sản mà mình được giao quản lý, sử dụng tài sản đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Nhận thức được như vậy nhưng trong giai đoạn năm 2016 - 2017, các bị cáo Lê Văn T, Trương Quang H với vai trò là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MH được phân công nhiệm vụ trưởng Ban quản lý thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã cùng với bị cáo Đỗ D thực hiện hành vi vi phạm trong lập danh mục đăng ký các tuyến đường giao thông nông thôn được hỗ trợ xi măng; vi phạm trong việc tổ chức thực hiện xây dựng công trình giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù và sử dụng xi măng được hỗ trợ không đúng quy định pháp luật dẫn đến gây thất thoát 385,98 tấn xi măng có trị giá 637.591.490 đồng của Nhà nước, trong đó bị cáo Lê Văn T gây thất thoát tài sản Nhà nước với số tiền 165.468.500 đồng; bị cáo Lê Văn T cùng với bị cáo Đỗ D liên đới gây thất thoát tài sản Nhà nước với số tiền 253.892.250 đồng; bị cáo Trương Quang H cùng với bị cáo Đỗ D liên đới gây thất thoát tài sản Nhà nước với số tiền 218.230.740 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn T, Đỗ D đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 219 Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Trương Quang H đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Văn T, Trương Quang H giữ vai trò là người thực hiện tội phạm khi ban hành văn bản đăng ký danh mục công trình và tổ chức thi công trái quy định của pháp luật; bị cáo Đỗ D đồng phạm với bị cáo Lê Văn T, Trương Quang H, trong đó vai trò cụ thể của từng bị cáo cụ thể:

Bị cáo Lê Văn T là chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2011 - 2016 đồng thời là Trưởng Ban quản lý thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã cố ý thực hiện sai quy định trong lập danh mục đăng ký các tuyến đường giao thông nông thôn được hỗ trợ xi măng; sai phạm trong việc tổ chức thực hiện xây dựng công trình giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù năm 2016; sử dụng xi măng được hỗ trợ không đúng quy định pháp luật đối với 06 công trình gồm tuyến đường bê tông từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C thuộc thôn PT; tuyến đường bê tông từ nhà Phạm Thế T đến nhà Trương Quang L thuộc thôn PT; tuyến từ đường bê tông liên xã đến nhà ông Hà Văn K, xóm 19, thôn AL 2; tuyến đường bê tông từ nhà hợp xóm 4 đến nhà Nguyễn Thị N thuộc thôn HP; tuyến đường bê tông từ nhà Nguyễn T đến nhà ông Huỳnh Công D thuộc thôn HP; tuyến đường bê tông từ trụ sở thôn HP đến giáp đường bê tông xóm 17, thôn HP. Tài sản mà bị cáo Lê Văn T gây thất thoát 252,77 tấn xi măng có trị giá 419.360.750 đồng; trong đó bị cáo Lê Văn T chịu trách nhiệm cá nhân đối với 03 công trình gồm tuyến đường bê tông từ nhà hợp xóm 4 đến nhà Nguyễn Thị N thuộc thôn HP; tuyến đường bê tông từ nhà Nguyễn T đến nhà ông Huỳnh Công D thuộc thôn HP; tuyến đường bê tông từ trụ sở thôn HP đến giáp đường bê tông xóm 17, thôn HP gây thất thoát 99,54 tấn xi măng có trị giá 165.468.500 đồng; bị cáo Lê Văn T chịu trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Đỗ D đối với 03 công trình gồm tuyến đường bê tông từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C thuộc thôn PT; tuyến đường bê tông từ nhà Phạm Thế T đến nhà Trương Quang L thuộc thôn PT; tuyến đường bê tông liên xã đến nhà ông Hà Văn K, xóm 19, thôn AL 2 gây thất thoát 153,23 tấn xi măng có trị giá 253.892.250 đồng.

Bị cáo Trương Quang H là chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2016 - 2020 đồng thời là Trưởng Ban quản lý thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã cố ý cùng với bị cáo Đỗ D thực hiện sai quy định trong lập danh mục đăng ký các tuyến đường giao thông nông thôn được hỗ trợ xi măng; sai phạm trong việc tổ chức thực hiện xây dựng công trình giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù các năm 2016, 2017; sử dụng xi măng được hỗ trợ không đúng quy định pháp luật đối với 04 công trình gồm tuyến từ Gò D đến giáp đường sắt thuộc thôn AL 1; tuyến Trương Quang H - Nguyễn Đình C thuộc thôn PT; tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Quang V thuộc thôn HP; tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Văn T thuộc thôn HP. Tổng số tài sản mà bị cáo Trương Quang H và bị cáo Đỗ D gây thất thoát là 132,21 tấn xi măng có trị giá 218.230.740 đồng.

Bị cáo Đỗ D là thành viên của Ban quản lý xã MH, được Trưởng ban phân công tổng hợp danh mục đăng ký, tham mưu lập tờ trình cho Chủ tịch UBND xã ký đề xin chủ trương cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình được giao thực hiện nhiệm vụ, bị cáo Đỗ D đã thực hiện sai các quy định của pháp luật về đăng ký danh mục, lập dự toán công trình. Nhiều danh mục công trình không đủ điều kiện được hỗ trợ xi măng, chiều dài thực tế không đúng nhưng bị cáo Đỗ D vẫn lập danh mục đăng ký.

Bên cạnh đó, mặc dù biết rõ bị cáo Lê Văn T và bị cáo Trương Quang H chỉ đạo chuyển xi măng đã đăng ký sang sử dụng cho các công trình khác không đủ điều kiện hỗ trợ xi măng là sai quy định nhưng bị cáo Đỗ D đã tích cực thực hiện, đo đạc, lập dự toán công trình. Hành vi của bị cáo D đã giúp sức cho bị cáo Lê Văn T và bị cáo Trương Quang H dẫn đến sai phạm đối với 07 tuyến đường gây thất thoát cho Nhà nước 285,44 tấn xi măng có trị giá 472.122.990 đồng. Trong đó, bị cáo Đỗ D phải liên đới chịu trách nhiệm đối cùng với bị cáo Lê Văn T đối với 03 công trình tuyến đường bê tông từ Gò MĐ đến nhà Nguyễn Đình C thuộc thôn PT; tuyến đường bê tông từ nhà Phạm Thế T đến nhà Trương Quang L thuộc thôn PT; tuyến đường bê tông liên xã đến nhà ông Hà Văn K, xóm 19, thôn AL 2 gây thất thoát 153,23 tấn xi măng có trị giá 253.892.250 đồng; bị cáo Đỗ D phải liên đới chịu trách nhiệm đối cùng với bị cáo Trương Quang H đối với 04 công trình tuyến từ Gò Dừa đến giáp đường sắt thuộc thôn AL 1; tuyến Trương Quang H - Nguyễn Đình C thuộc thôn PT; tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Quang V thuộc thôn HP; tuyến từ đường bê tông xóm 17 đến đất ông Lê Văn T thuộc thôn HP gây thất thoát 132,21 tấn xi măng có trị giá 218.230.740 đồng.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo đều có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Lê Văn T có thành tích xuất sắc trong công tác, được Ủy ban nhân dân tỉnh BĐ tặng nhiều bằng khen, được Ban Dân vận Trung ương tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp dân vận”, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn” nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Quang H có anh ruột là liệt sĩ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cân nhắc tính chất và mức độ tham gia phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại; xử phạt bị cáo Đỗ D nghiêm khắc hơn so với bị cáo Trương Quang H.

[8] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện lẽ ra xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc nhưng xét thấy trong vụ án này các bị cáo đều phạm tội nhưng

không vì mục đích, động cơ vụ lợi cá nhân; trong quá trình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới là chương trình quan trọng nên các bị cáo đều mong muốn đưa xã MH đạt chuẩn nông thôn mới. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo Lê Văn T, Đỗ D trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật mà các bị cáo đã phạm. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng có thể giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục các bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[9] Xét về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo có nghĩa vụ như sau:

Bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 292.414.625 đồng.

Bị cáo Trương Quang H có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 109.014.865 đồng.

Bị cáo Đỗ D có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 236.162.000 đồng.

Đối với số tiền 40.439.995 đồng mà bị cáo Lê Văn T đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo Trương Quang H. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Văn T tự nguyện nộp số tiền trên thay cho bị cáo Trương Quang H nên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án đối với nghĩa vụ của bị cáo Trương Quang H nộp trả tiền vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền mà các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo việc thi hành án đối với nghĩa vụ của các bị cáo nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước.

[10] Về trách nhiệm của một số cá nhân có liên quan:

Đối với ông Cao Văn D, ông Phạm Huy T là trưởng thôn PT năm 2016 và 2017, là thành viên của Ban quản lý xã, được phân công nhiệm vụ đo đạc chiều dài, lập danh mục đăng ký chuyển lên cho Ban quản lý xã. Quá trình thực hiện ông Cao Văn D, ông Phạm Huy T đã đăng ký danh mục không đúng. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật, Ban thôn không phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của danh mục công trình nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Cao Văn D, ông Phạm Huy T.

Đối với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện PM là cơ quan chuyên môn của UBND huyện PM, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giao

thông, hoạt động đầu tư xây dựng, được giao giúp UBND huyện xây dựng và đăng ký kế hoạch thực hiện hàng năm gửi về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm đôn đốc UBND các xã tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng quy định về công tác đầu tư xây dựng, về việc huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông ở địa phương. Ông Nguyễn Ngọc H với chức vụ Phó Trưởng phòng - Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực giao thông nhưng quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, ông H không tổ chức kiểm tra thực tế việc Ban quản lý xã MH tổ chức thi công các danh mục công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên không kịp thời phát hiện Ban quản lý xã MH tự ý chuyển xi măng thi công các công trình ngoài danh mục đăng ký. Tuy vậy quá trình thực hiện, ông H cũng đã tham mưu cho UBND huyện PM ban hành một số văn bản đôn đốc, nhắc nhở UBND xã MH báo cáo, nêu rõ danh mục công trình nào không thực hiện, lý do không thực hiện để xin điều chỉnh giảm danh mục, tuy nhiên UBND xã MH không thực hiện. Do vậy, việc ông H không tổ chức kiểm tra thực tế không phải là nguyên nhân trực tiếp gây thất thoát tài sản của Nhà nước, nên không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Ngọc H là có căn cứ.

Theo Kết luận thanh tra số 03/KL-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện PM thì còn các công trình khác theo cơ quan Thanh tra thì các công trình này có dấu hiệu vi phạm, gây thất thoát tài sản cho Nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định các công trình này chỉ vi phạm về mặt quy trình, thủ tục. Thực tế kiểm tra thì các công trình này phục vụ đi lại cho nhiều hộ gia đình, từ cổng ngõ ra đồng ruộng chứ không phải đổ bê tông đi vào nhà riêng như kết luận thanh tra. Một số công trình được đăng ký bổ sung với Ban thôn và UBND xã trước khi thi công xây dựng. Do đó, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự các cá nhân có liên quan là có căn cứ.

Trong quá trình điều tra xác định bị cáo Lê Văn T, Trương Quang H, Đỗ D cùng với ông Nguyễn Văn G là Công chức tài chính kế toán UBND xã MH sử dụng nguồn vốn từ ngân sách của xã chưa đúng kế hoạch vốn ban đầu để đầu tư 03 công trình gồm công trình đường bê tông từ gò Mã Đậu đến nhà Nguyễn Đình Chi thuộc thôn PT; công trình sân trường Trung học cơ sở MH và công trình đường bê tông xóm 4 đến nhà Nguyễn Thị Nào thuộc thôn HP. Các công trình này đã sử dụng nguồn vốn từ ngân sách của xã không đúng trình tự, thủ tục dẫn đến sử dụng vốn ngân sách của xã đầu tư các công trình chưa đúng kế hoạch vốn ban đầu. Tuy nhiên, UBND xã MH đã thông qua bổ sung kế hoạch vốn đầu tư của cả 03 công trình này, thể hiện trong báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã MH năm 2017 và năm 2018. Quá trình điều tra, có đủ căn cứ xác định các cá nhân có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ không có động cơ vụ lợi. Mặt khác tài sản nhà nước không bị thất thoát. Do đó, chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm của các cá nhân có liên quan là có căn cứ.

[11] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lê Văn T, Đỗ D, Trương Quang H mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 219 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, nhưng xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, bị cáo Đỗ D, bị cáo Trương Quang H đều phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 4 năm 2021).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đỗ D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 4 năm 2021).

Giao bị cáo Đỗ D cho Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BÐ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đỗ D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đỗ D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Đỗ D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 219; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trương Quang H 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 4 năm 2021).

Giao bị cáo Trương Quang H cho Ủy ban nhân dân xã MH, huyện PM, tỉnh BD giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trương Quang H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Quang H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Quang H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 292.414.625 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 292.414.625 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) mà bị cáo Lê Văn T đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 06120 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo việc thi hành án đối với nghĩa vụ của bị cáo Lê Văn T nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Đỗ D có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 236.162.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng (Tám chục triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 06121 ngày 18 tháng 9 năm 2020; số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai chục triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 06125 ngày 16 tháng 10 năm 2020; số tiền 36.162.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06202 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PM mà bị cáo Đỗ D đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo việc thi hành án đối với nghĩa vụ của bị cáo Đỗ D nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Trương Quang H có nghĩa vụ nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 109.014.865 đồng (Một trăm lẻ chín triệu không trăm mười bốn nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 68.574.870 đồng (Sáu mươi tám triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 06119 ngày 18 tháng 9 năm 2020 mà bị cáo Trương Quang H đã nộp khắc phục hậu quả; tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 06203 ngày 05 tháng 02 năm 2021, số tiền 20.439.995 đồng (Hai chục triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 06205 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PM mà bị cáo Lê Văn T đã nộp khắc phục hậu quả để đảm bảo việc thi

hành án đối với nghĩa vụ của bị cáo Trương Quang H nộp trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh BD để nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Văn T, Đỗ D, Trương Quang H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 4 năm 2021). Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Công an huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh

